

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ TÀI CHÍNH**

Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

(Tiếp theo Công báo số 727 + 728)

Phụ lục II**THAY THẾ PHỤ LỤC V BAN HÀNH KÈM THÔNG TƯ SỐ 38/2015/TT-BTC NHƯ SAU:**

(Ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

“Phụ lục V**BIỂU MẪU VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN; KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN**

(Ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số 13/KTCSSX/GSQL

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-tên viết tắt
cơ quan ban hành văn bản

....., ngày..... tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc kiểm tra cơ sở sản xuất, năng lực sản xuất**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH.....

Căn cứ Luật.....

Căn cứ Nghị định.....

Căn cứ Thông tư.....

Xét đề nghị tại..... ngày..... của..... về việc kiểm tra cơ sở sản xuất,
năng lực sản xuất đối với⁽¹⁾.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm tra cơ sở sản xuất, năng lực sản xuất đối với⁽¹⁾.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Địa điểm kiểm tra:

Thời hạn kiểm tra:....., kể từ ngày.....

Điều 2. Thành lập đoàn kiểm tra gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông/bà..... chức vụ/ngạch công chức (nếu có)..... trưởng đoàn;

2. Ông/bà..... (như trên)..... phó đoàn (nếu có);

3. Ông/bà..... (như trên)..... thành viên;

Điều 3. Phạm vi, nội dung kiểm tra gồm:

- Phạm vi kiểm tra:.....

- Nội dung kiểm tra:.....

Điều 4. Đoàn kiểm tra có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại.....; Người khai hải quan⁽¹⁾..... có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại....., có trách nhiệm cử đại diện theo pháp luật hoặc đại diện được ủy quyền làm việc với cơ quan hải quan và chuẩn bị hồ sơ, chứng từ, tài liệu có liên quan.

Điều 5. Đoàn kiểm tra, Thủ trưởng đơn vị triển khai thực hiện kiểm tra và.....⁽¹⁾..... có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tên tổ chức, cá nhân;
- Cục HQ.....;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...b).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên tổ chức, cá nhân thông báo cơ sở sản xuất để hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu bị kiểm tra.

Mẫu số 14/KT-CSSX/GSQL

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-tên viết tắt của
đơn vị ban hành VB

BIÊN BẢN KIỂM TRA CƠ SỞ SẢN XUẤT

Căn cứ quy định tại Điều... Thông tư số.../20../TT-BTC ngày.../.../20.. của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại....., Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cơ quan Hải quan:

1. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

2. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

II. Đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân:

1. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

2. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

III. Đại diện theo pháp luật của thương nhân nhận gia công lại (nếu có):

1. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

2. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

IV. Người làm chứng (nếu có):

1. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Xác nhận kết quả kiểm tra cơ sở sản xuất của Công ty..... như sau:

Địa chỉ:.....

2. Ông(bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Xác nhận kết quả kiểm tra cơ sở sản xuất của Công ty..... như sau:

Địa chỉ:.....

1. Về nhà xưởng, mặt bằng sản xuất:

2. Về ngành nghề:.....

3. Về máy móc, thiết bị:.....

4. Về nhân lực:.....

5. Về việc lưu giữ và theo dõi nguyên liệu, vật tư nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu.....

6. Về quy mô sản xuất, gia công:.....

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành.....bản; mỗi bản gồm..... tờ; có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

7. Ý kiến bổ sung khác (nếu có)/.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN HẢI QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 14a/KLKT-CSSX/GSQL

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../KL-tên viết tắt
của đơn vị ban hành VB

..... ngày..... tháng..... năm.....

KẾT LUẬN KIỂM TRA CƠ SỞ SẢN XUẤT

Căn cứ Luật.....

Căn cứ Nghị định.....

Căn cứ Thông tư..... ;

Căn cứ biên bản chứng nhận kết quả kiểm tra cơ sở sản xuất ngày... tháng... năm..., Chi cục Hải quan..... kết luận về việc kiểm tra cơ sở sản xuất của Công ty..... như sau:

1. Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....

2. Quyền sử dụng nhà xưởng, mặt bằng sản xuất:

3. Quyền sở hữu, sử dụng của thương nhân đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu:

4. Số lượng, chủng loại máy móc, thiết bị thực tế:.....

5. Tình trạng hoạt động của tổ chức, cá nhân (tình hình nhân lực bố trí trên dây chuyền sản xuất, số lượng lao động hiện có tại thời điểm kiểm tra, bảng lương, bảo hiểm...):

6. Năng lực, quy mô sản xuất, gia công:

7. Cách thức theo dõi nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị thông qua sổ kế toán hoặc phần mềm quản lý hàng hóa nhập, xuất, tồn kho lượng nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị:.....

8. Yêu cầu thực hiện (nếu có):..... /.

Nơi nhận:

- Chi cục HQ..... (để t/hiện);
- Công ty..... (để t/hiện);
- Cục HQ..... (để b/c);
- Lưu: VT.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu Chi cục)

Mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ

Mã số thuế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NHẬP-XUẤT-TỒN KHO NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP KHẨU LOẠI HÌNH...

Kỳ báo cáo: Từ ngày..... đến ngày.....

STT	Mã nguyên liệu, vật tư	Tên nguyên liệu, vật tư	Đơn vị tính	Lượng NL, VT tồn kho đầu kỳ	Lượng NL, VT nhập trong kỳ	Lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu			Lượng NL, VT nhập khẩu tồn kho cuối kỳ	Ghi chú	
						Tái xuất	Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa, tiêu hủy	Xuất kho để sản xuất			Xuất kho khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(5)+ (6)-(7)-(8) - (9) - (10)	(12)

(13) NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

(14) NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú khác:

1. Bán thành phẩm được tạo ra từ nguyên liệu nhập khẩu chưa được thể hiện chi tiết tại biểu mẫu này, tổ chức, cá nhân theo dõi, lưu giữ và giải trình khi cơ quan hải quan kiểm tra tình hình sử dụng, báo cáo quyết toán hoặc khi tính thuế, tiêu thụ nội địa.

2. Các ghi chú khác (nếu có)

*** Hướng dẫn lập mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL:**

1. Thông tin nhập - xuất - tồn kho nguyên liệu, vật tư được lập trên cơ sở quản lý theo dõi nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu trên hệ thống sổ sách kế toán theo các quy định về chế độ kế toán của Bộ Tài chính và theo nguồn nhập kho.

2. Hướng dẫn chi tiêu lập báo cáo quyết toán:

Cột (2): Là mã của nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp tự xây dựng để quản lý nhập - xuất - tồn kho, quản lý sản xuất. Lưu ý, sử dụng mã theo quản trị của doanh nghiệp khi khai báo trên tờ khai hải quan. Trường hợp tổ chức, cá nhân có sử dụng mã nguyên liệu, vật tư, mã sản phẩm khác với mã đã khai báo trên tờ khai hải quan khi nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, xuất khẩu sản phẩm thì phải xây dựng, lưu giữ bảng quy đổi tương đương giữa các mã.

Cột (4): Là đơn vị tính của nguyên liệu, vật tư được sử dụng trong quản lý sản xuất, giao dịch mua bán hàng hóa với đối tác nước ngoài và được khai trên tờ khai hải quan.

Cột (5): Là lượng nguyên liệu, vật tư cuối kỳ trước được chuyển sang kỳ báo cáo hiện tại;

Cột (6): Gồm lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu (bao gồm bán thành phẩm, thành phẩm để gắn với sản phẩm xuất khẩu thành sản phẩm đồng bộ) để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhập kho trong kỳ báo cáo; lượng nguyên liệu, vật tư nhận từ hợp đồng gia công khác chuyên sang; hàng nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan, đang đi trên đường chưa nhập kho tại cuối kỳ báo cáo; nhập lại kho khi dư thừa trên dây chuyền sản xuất; nhập kho sau khi thuê gia công lại; lượng nguyên liệu, vật tư của DNCX không làm thủ tục hải quan.

Cột (7): Là lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng phải xuất trả đối tác ở nước ngoài, xuất sang nước thứ 3 hoặc xuất vào khu phi thuế quan, DNCX hoặc chuyển nguyên liệu, vật tư từ hợp đồng gia công này sang hợp đồng gia công cùng hoặc khác đối tác nhận gia công.

Cột (8): Là lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không được sử dụng vào sản xuất hàng xuất khẩu mà được chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa, tiêu hủy (trường hợp tiêu hủy giải thích rõ tại cột số 12 và cung cấp hồ sơ kèm theo nếu có).

Cột (9): Là lượng nguyên liệu, vật tư thực tế đưa vào để gia công, sản xuất sản phẩm xuất khẩu, bao gồm cả phần nguyên liệu, vật tư đưa đi gia công lại.

Cột (10): Là lượng nguyên liệu, vật tư thực tế cấp bù do phần nguyên liệu, vật tư tiêu hao, hao hụt tự nhiên, hao hụt do tạo thành phế liệu, phế phẩm trong quá trình sản xuất; xuất chuyển tiếp từ hợp đồng gia công này sang hợp đồng gia công khác hoặc lượng nguyên liệu, vật tư xuất kho mà chưa được chi tiết tại các cột (7), (8), (9) bao gồm nguyên liệu, vật tư thiếu hụt, hư hỏng mất mát do thiên tai, hỏa hoạn,....

Cột (11): Là lượng nguyên liệu tồn kho tại cuối kỳ báo cáo.

Cột (12): Điền số/ngày quyết định miễn thuế đối với trường hợp nguyên liệu, vật tư bị hỏng hóc, mất mát do thiên tai, hỏa hoạn... và các thông tin khác (nếu có)

3. Chi tiêu (13), (14): Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, không tiếp nhận được báo cáo quyết toán thì phải điền đầy đủ thông tin tại ô này.

Mẫu số 15a/BCQT-SP/GSQL

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ

Mã số thuế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NHẬP - XUẤT - TỒN KHO SẢN PHẨM XUẤT KHẨU ĐƯỢC SẢN XUẤT TỪ NL, VT NHẬP KHẨU
LOẠI HÌNH....**

Kỳ báo cáo: từ ngày đến ngày

Stt	Mã sản phẩm xuất khẩu	Tên sản phẩm xuất khẩu	Đơn vị tính	Lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ	Lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ	Lượng sản phẩm xuất kho trong kỳ			Lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ theo số sách theo dõi	Ghi chú
						Lượng sản phẩm thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa	Lượng sản phẩm xuất khẩu	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (5) + (6) - (7) - (8) - (9)	(11)

(12) NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)**(13) NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**Ghi chú khác:**

1. Hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng chưa xuất kho thì ghi rõ số tờ khai hàng hóa xuất khẩu số.....

Ví dụ: Hàng hóa xuất khẩu thuộc tờ khai số.... chưa xuất kho.

2. Các ghi chú khác (nếu có)

*** Hướng dẫn lập Mẫu số 15a/BCQT-SP/GSQL:**

1. Thông tin nhập - xuất - tồn sản phẩm được lập trên cơ sở quản lý theo dõi sản phẩm để xuất khẩu trên hệ thống sổ sách kế toán theo quy định về chế độ kế toán của Bộ Tài chính và theo nguồn.

2. Hướng dẫn chi tiêu lập báo cáo quyết toán:

Cột (2): Là mã của sản phẩm do doanh nghiệp tự xây dựng để quản lý nhập - xuất - tồn kho. Lưu ý sử dụng mã sản phẩm theo quản trị doanh nghiệp để khai báo trên tờ khai xuất khẩu.

Cột (4): Là đơn vị tính của sản phẩm được sử dụng trong quản lý sản xuất, giao dịch mua bán hàng hóa với đối tác nước ngoài và được khai trên tờ khai hải quan.

Cột (5): Là lượng sản phẩm tồn cuối kỳ trước được chuyển sang kỳ báo cáo hiện tại.

Cột (6): Là lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ báo cáo gồm sản phẩm do tổ chức, cá nhân sản xuất trong kỳ nhập kho thành phẩm; sản phẩm gia công lại; sản phẩm đã xuất khẩu nhưng bị khách hàng trả lại;...

Cột (7): Là lượng sản phẩm có sử dụng nguyên liệu, vật tư từ nguồn nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà được chuyển mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, tiêu hủy (trường hợp tiêu hủy giải thích rõ tại cột số 11 và cung cấp hồ sơ kèm theo nếu có).

Cột (8): Là lượng sản phẩm có sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu thực tế đã xuất kho để xuất khẩu.

Cột (9): Trong trường hợp xuất kho chưa được chi tiết tại các cột (7), (8) bao gồm bao sản phẩm xuất kho để xuất khẩu nhưng chưa đăng ký tờ khai; xuất cho nghiên cứu sản phẩm, hư hỏng mất mát do thiên tai, hỏa hoạn...

Cột (10): Là lượng sản phẩm tồn tại kho cuối kỳ báo cáo.

Cột (11): Điền số/ngày quyết định miễn thuế đối với trường hợp nguyên liệu, vật tư bị hỏng hóc, mất mát do thiên tai, hỏa hoạn... và các thông tin khác (nếu có)

3. Chỉ tiêu (12), (13): Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, không tiếp nhận được báo cáo quyết toán thì phải điền đầy đủ thông tin tại ô này.

Mẫu số 15b/BCQT-NLVTNN/GSQL

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ

Mã số thuế

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NHẬP - XUẤT - TỒN TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ
XUẤT KHẨU LOẠI HÌNH ĐẶT GIA CÔNG Ở NƯỚC NGOÀI, DNCX**

Kỳ báo cáo: Từ ngày..... đến ngày.....

Stt	Mã nguyên liệu, vật tư	Tên nguyên liệu, vật tư	Đơn vị tính	Số NL, VT tồn kho đầu kỳ	Số nguyên liệu, vật tư nhập trong kỳ		Số NL, VT xuất trong kỳ		Số NL, VT tồn kho cuối kỳ	Ghi chú
					Tải nhập nguyên liệu đã xuất khẩu	Nhập khác	Xuất khẩu để sản xuất sản phẩm	Thay đổi mục đích sử dụng, tiêu hủy		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (5) + (6) + (7) - (8) - (9)	(11)

(12) NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

(13) NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú khác:**

Hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng chưa xuất kho thì ghi rõ số tờ khai hàng hóa xuất khẩu số....

Các ghi chú khác (nếu có)

*** Hướng dẫn lập Mẫu số 15b/BCQT-NLVTNN/GSQL**

1. Thông tin nhập - xuất - tồn kho nguyên liệu, vật tư được lập trên cơ sở quản lý theo dõi nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu trên hệ thống sổ sách kế toán theo các quy định về chế độ kế toán của Bộ Tài chính và theo nguồn nhập kho.
2. Số liệu thể hiện trên báo cáo quyết toán là số liệu theo dõi, quản lý tại kho của tổ chức, cá nhân đặt gia công.
3. Hướng dẫn chi tiêu lập báo cáo quyết toán:

Cột (2): Là mã của nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp tự xây dựng để quản lý nhập - xuất - tồn kho, quản lý sản xuất. Lưu ý, sử dụng mã theo quan trị của doanh nghiệp khi khai báo trên tờ khai hải quan;

Cột (4): Là đơn vị tính của nguyên liệu, vật tư được sử dụng trong quản lý sản xuất, giao dịch mua bán hàng hóa với đối tác nước ngoài và được khai trên tờ khai hải quan;

Cột (5): Là lượng nguyên liệu, vật tư cuối kỳ trước được chuyển sang kỳ báo cáo hiện tại.

Cột (6): Là lượng nguyên liệu, vật tư tái nhập sau khi đã xuất khẩu để thuê gia công.

Cột (7): Là lượng nguyên liệu, vật tư mua tại nội địa, nước ngoài, DNCX để làm nguyên liệu, vật tư cho hoạt động đặt gia công.

Cột (8): Là lượng nguyên liệu, vật tư xuất kho để xuất khẩu dùng cho sản xuất sản phẩm.

Cột (9): Là lượng nguyên liệu, vật tư đã xuất khẩu nhưng được bán, biếu, tặng, tiêu hủy, thiên tai, hỏa hoạn tại nước ngoài, DNCX, khu phi thuế quan

Cột (10): Là lượng nguyên liệu tồn tại kho cuối kỳ báo cáo.

4. Chỉ tiêu (12), (13): Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, không tiếp nhận được báo cáo quyết toán thì phải điền đầy đủ thông tin tại ô này.

Mẫu số 15c/BCQT-SPNN/GSQL

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ

Mã số thuế

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NHẬP - XUẤT - TỒN TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SẢN PHẨM NHẬP KHẨU

Kỳ báo cáo: Từ ngày..... đến ngày.....

STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ	Lượng sản phẩm đặt gia công nhập khẩu trong kỳ	Lượng sản phẩm xuất kho trong kỳ	Lượng NL, VT tồn kho cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (5) + (6) - (7)	(9)

(10) NGƯỜI LẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

(11) NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

* *Ghi chú khác:*

* *Hướng dẫn lập mẫu số 15c/BCQT-SPNN/GSQL:*

1. Thông tin nhập - xuất - tồn kho sản phẩm được lập trên cơ sở quản lý theo dõi sản phẩm nhập khẩu của hàng hóa đặt gia công nước ngoài trên hệ thống sổ sách kế toán theo các quy định về chế độ kế toán của Bộ Tài chính và theo nguồn nhập kho.
2. Số liệu thể hiện trên báo cáo quyết toán là số liệu theo dõi, quản lý tại kho của tổ chức, cá nhân đặt gia công.

3. Hướng dẫn chỉ tiêu lập báo cáo quyết toán:

Cột (2): Là mã của sản phẩm do doanh nghiệp tự xây dựng để quản lý nhập - xuất - tồn kho. Lưu ý, sử dụng mã theo quản trị của doanh nghiệp khi khai báo trên tờ khai hải quan;

Cột (4): Là đơn vị tính của sản phẩm được sử dụng trong quản lý sản xuất, giao dịch mua bán hàng hóa với đối tác nước ngoài và được khai trên tờ khai hải quan;

Cột (5): Là lượng sản phẩm cuối kỳ trước được chuyển sang kỳ báo cáo hiện tại;

Cột (6): là lượng sản phẩm gia công nhập khẩu từ nước ngoài, DNCX, khu phi thuế quan

Cột (7): Là lượng sản phẩm gia công xuất kho trong kỳ.

Cột (8): Là lượng sản phẩm tồn tại kho cuối kỳ báo cáo.

Cột (9): Khai lượng sản phẩm chuyển mục đích sử dụng, bán, biếu, tặng, tiêu hủy tại nước ngoài, DNCX, khu phi thuế quan và các ghi chú có liên quan khác (nếu có).

4. Chỉ tiêu (10), (11): Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, không tiếp nhận được báo cáo quyết toán thì phải điền đầy đủ thông tin tại ô này.

Mẫu số 16/ĐM/TT/GSQL

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ

Mã số thuế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỊNH MỨC THỰC TẾ SẢN XUẤT SẢN PHẨM XUẤT KHẨU

Kỳ báo cáo: từ ngày đến ngày

Stt	Mã sản phẩm xuất khẩu/nhập khẩu	Tên sản phẩm xuất khẩu/nhập khẩu	Đơn vị tính	Nguyên liệu, vật tư			Ghi chú	
				Mã	Tên	Đơn vị tính		Lượng NL, VT thực tế sử dụng để sản xuất một sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	SP A	Áo sơ mi	cái	V1	Vải 100% cotton	met	1,2	
				V1	Vải 100% cotton	met	0,3	X
				K	Dây kéo	cái	1	X
				P	Phấn	viên		KXDDDM

(10) NGƯỜI LẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

(11) NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

1. Hướng dẫn lập Mẫu số 16/ĐM-TT-GS QL:

- Cột (2): Mã sản phẩm xuất khẩu tại cột này phải thống nhất với mã sản phẩm đã khai trên tờ khai hải quan
- Cột (3): Tên sản phẩm xuất khẩu tại cột này phải thống nhất với tên sản phẩm xuất khẩu đã khai trên tờ khai hải quan
- Cột (4): Đơn vị tính của sản phẩm xuất khẩu: sử dụng thống nhất với mã đơn vị tính doanh nghiệp quản lý tại nhà xưởng sản xuất, với đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai hải quan.
- Cột (5): Mã của nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả nhập khẩu, mua trong nước) để sản xuất ra 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu thì phải thông nhất với mã nguyên liệu, vật tư đã khai trên tờ khai hải quan
- Cột (6): Tên của nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả nhập khẩu, mua trong nước) để sản xuất ra 01 đơn vị sản phẩm.
- Cột (7): Đơn vị tính của nguyên liệu, vật tư: sử dụng thống nhất với mã đơn vị tính doanh nghiệp quản lý tại nhà xưởng sản xuất, với đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai hải quan
- Cột (8): Lượng nguyên liệu, vật tư thực tế sử dụng để sản xuất sản phẩm xuất khẩu bao gồm lượng nguyên liệu, vật tư cấu thành sản phẩm và lượng nguyên liệu, vật tư tiêu hao, tạo thành phế liệu, phế phẩm.
- Định mức thực tế của một đơn vị sản phẩm theo từng nguyên liệu, vật tư = Tổng lượng nguyên liệu, vật tư đã dùng để gia công, sản xuất sản phẩm xuất khẩu chia cho tổng số lượng sản phẩm thu được
- Trong đó:
- Tổng lượng nguyên liệu, vật tư đã dùng để gia công, sản xuất sản phẩm xuất khẩu bằng tổng lượng nguyên liệu, vật tư đưa vào để sản xuất sản phẩm trừ lượng nguyên liệu vật tư thu hồi và lượng nguyên liệu, vật tư đang dở dang trên dây chuyền tính tới thời điểm xác định mức để gia công, sản xuất sản phẩm xuất khẩu.
 - Tổng số lượng sản phẩm thu được: là tổng số lượng thu được cho tới thời điểm xác định định mức.
- Cột (9): Trường hợp nguyên liệu mua trong nước điền "X"; trường hợp nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để trống; trường hợp vật tư không xây dựng được định mức điền "KXDDM"
2. Chỉ tiêu (10), (11): Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, không tiếp nhận được báo cáo quyết toán thì phải điền đầy đủ thông tin tại ô này.

Mẫu số 17/QĐKT-BCQT/GSQL

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-tên viết tắt của cơ quan
ban hành VB

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiểm tra báo cáo quyết toán xuất - nhập - tồn kho nguyên liệu, vật tư nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu theo loại hình.... tại.....

CỤC TRƯỞNG CỤC HQ...

Căn cứ Luật.....
Căn cứ Nghị định.....
Căn cứ Thông tư.....
Xét đề nghị tại..... ngày..... của..... về việc kiểm tra báo cáo quyết toán xuất - nhập - tồn kho nguyên liệu, vật tư nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu theo loại hình.... tại.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm tra báo cáo quyết toán xuất - nhập - tồn kho nguyên liệu, vật tư nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu theo loại hình.... đối với⁽¹⁾.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Địa điểm kiểm tra:.....

Thời hạn kiểm tra:..... ngày làm việc, kể từ ngày

Điều 2. Thành lập đoàn kiểm tra gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông/bà.....chức vụ/ngạch công chức (nếu có).... trưởng đoàn;
2. Ông/bà..... (như trên)..... phó đoàn (nếu có);
3. Ông/bà..... (như trên)..... thành viên;

Điều 3. Phạm vi, nội dung kiểm tra gồm:

- Phạm vi kiểm tra:.....

- Nội dung kiểm tra:.....

Điều 4. Đoàn kiểm tra có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại.....;
Người khai hải quan⁽¹⁾..... có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại....., có trách nhiệm cử đại diện theo pháp luật hoặc đại diện được ủy quyền làm việc với cơ quan hải quan và chuẩn bị hồ sơ, chứng từ, tài liệu có liên quan.

Điều 5. Đoàn kiểm tra, Thủ trưởng đơn vị triển khai thực hiện kiểm tra và.....⁽¹⁾..... có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- VT, Tên cơ quan;

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên người khai hải quan - Tên chủ hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, tên tổ chức, cá nhân được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

Mẫu số 17a/BBKT-BCQT/GSQL

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-HC

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Hôm nay, hồi..... giờ..... phút..... ngày..... tháng..... năm.....

Chúng tôi gồm:

1/ Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

2/ Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

Đã làm việc với:

1/ Ông(bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch.....

Chức danh:..... Công ty.....

Địa chỉ:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

2/.....

Nội dung kiểm tra:

.....
.....

Biên bản kết thúc vào hồi.....

Biên bản được lập thành..... bản, mỗi bản gồm..... tờ, có nội dung và giá trị như nhau, đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽²⁾:

...../.

NGƯỜI THAM GIA LÀM VIỆC⁽³⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THAM GIA KIỂM TRA⁽⁴⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽²⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải nêu ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

⁽³⁾ Thành phần tham gia là danh sách cá nhân đã được cử làm việc với đoàn kiểm tra. Trường hợp đại diện có thẩm quyền ký biên bản phải ký ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu của người khai hải quan.

⁽⁴⁾ Thành phần tham gia là thành viên đoàn kiểm tra tại quyết định kiểm tra. Trường hợp trưởng đoàn kiểm tra ký trên biên bản ghi rõ chức danh trưởng đoàn.

Mẫu số 17b/KLKT-BCQT/GSQL

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../KL-tên viết tắt
của cơ quan ban hành VB

..., ngày... tháng... năm...

BẢN KẾT LUẬN KIỂM TRA

**Báo cáo quyết toán xuất - nhập - tồn kho nguyên liệu, vật tư nhập khẩu
và sản phẩm xuất khẩu của loại hình.... tại trụ sở người khai hải quan**

1. Phần mở đầu:

Căn cứ pháp lý:

Thực hiện Quyết định số..... ngày..... của..... về việc kiểm tra báo cáo quyết toán xuất - nhập - tồn kho nguyên liệu, vật tư nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu của loại hình..... tại trụ sở.....⁽¹⁾ mã số thuế:

Địa chỉ:

Từ ngày.../.../... đến ngày.../.../.....

Người ban hành quyết định kiểm tra.....⁽²⁾..... lập bản kết luận kết quả kiểm tra báo cáo quyết toán xuất - nhập - tồn kho nguyên liệu, vật tư nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu của loại hình.... như sau:

2. Phạm vi kiểm tra:⁽³⁾

3. Nội dung kiểm tra:⁽⁴⁾

4. Ý kiến của người khai hải quan được kiểm tra:⁽⁵⁾

5. Kết luận:

- Kết luận về từng nội dung đã tiến hành kiểm tra;
- Kết luận về từng vi phạm, mức độ vi phạm của người khai hải quan (nếu có);
- Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã được áp dụng;
- Kiến nghị của đoàn kiểm tra về biện pháp xử lý.

Hồ sơ, tài liệu kèm kết luận này gồm:

- 1)
- 2)/.

Nơi nhận:

- Người khai hải quan được kiểm tra;
- Lưu; VT, CC... (bản...).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi rõ tên tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra

⁽²⁾ Người ban hành quyết định kiểm tra: Cục trưởng Cục KTSTQ, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ.

⁽³⁾ Ghi phạm vi về lĩnh vực kiểm tra; phạm vi về thời gian kiểm tra; phạm vi đối tượng kiểm tra.

⁽⁴⁾ Ghi những nội dung đã kiểm tra và kết quả kiểm tra.

⁽⁵⁾ Ghi những ý kiến tổ chức, cá nhân đã thống nhất và những ý kiến tổ chức, cá nhân chưa thống nhất với đoàn kiểm tra (nêu rõ lý do, căn cứ pháp luật mà công ty chưa thống nhất).

Mẫu số 18/TB-HĐGC/GSQL**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:...../TB-tên viết tắt
đơn vị, cá nhân

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO**Về việc thực hiện hợp đồng/phụ lục của hợp đồng gia công**

Kính gửi: Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan.....

1. Tên bên nhận gia công:.....

Mã số:.....

Địa chỉ:.....

Nước:

2. Tên bên đặt gia công:.....

Mã số:.....

Địa chỉ:.....

Nước:

3. Số đăng ký hợp đồng:.....; Số hợp đồng:.....; ngày ký hợp đồng:.....;
ngày hết hạn hợp đồng.....; ngày gia hạn hợp đồng:.....;

Số phụ lục của hợp đồng:.....; ngày ký phụ lục:.....;

4. Nguyên liệu, vật tư do bên đặt gia công cung cấp: (ghi tên các nguyên liệu,
vật tư theo thỏa thuận của hợp đồng gia công).....;

5. Nguyên liệu, vật tư tự cung ứng theo thỏa thuận của hợp đồng gia công:.....;

6. Máy móc, thiết bị thuê, mượn do bên đặt gia công cung cấp để thực hiện
hợp đồng gia công: (ghi tên, số lượng máy móc, thiết bị sẽ nhập khẩu để thực hiện
hợp đồng gia công).....;7. Sản phẩm gia công: (ghi tên, tổng số lượng các sản phẩm gia công; đơn giá
gia công).....;

8. Nhãn hiệu hàng hóa và tên gọi xuất xứ hàng hóa:.....;

Công ty cam kết các thông tin trên đúng với các điều khoản đã ký kết trong
hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội
dung đã thông báo./.**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VT, tên viết tắt TC, cá nhân.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 18a/TB-HĐGCL/GSQL**TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN**Số:...../TB-tên viết tắt
tổ chức, cá nhân**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm.....

THÔNG BÁO**Về việc thực hiện hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công lại**

Kính gửi: Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan.....

1. Tên bên nhận gia công lại:.....

Mã bên nhận gia công lại:.....

Địa chỉ bên nhận gia công lại:

Nước nhận gia công lại:.....

2. Tên bên thuê gia công lại:.....

Mã bên thuê gia công lại:.....

Địa chỉ bên thuê gia công lại:

Nước thuê gia công lại:.....

3. Số hợp đồng gia công lại:.....; ngày ký hợp đồng:.....; ngày hết hạn
hợp đồng.....; ngày gia hạn hợp đồng:.....

Phụ lục hợp đồng gia công lại:.....; ngày phụ lục hợp đồng.....

Số hợp đồng gia công:.....; ngày hợp đồng gia công:.....

4. Mặt hàng gia công lại

STT	Mã sản phẩm gia công lại	Tên sản phẩm gia công lại	Đơn vị tính	Trị giá tiền công gia công

5. Nguyên liệu, vật tư đưa đi gia công: (ghi mã, tên, đơn vị tính các nguyên
liệu, vật tư sẽ đưa đi để thực hiện hợp đồng gia công lại)

6. Công đoạn thuê gia công lại bao gồm:.....

7. Máy móc, thiết bị cho thuê, cho mượn hoặc tặng cho để phục vụ gia công lại: (ghi mã, tên, đơn vị tính của máy móc, thiết bị sẽ đưa đi để thực hiện hợp đồng gia công)

8. Dự kiến thời gian đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đầu tiên đi gia công lại:.....

9. Dự kiến thời gian nhận sản phẩm gia công về:

10. Nhãn hiệu sản phẩm gia công lại (nếu có):

Công ty cam kết các thông tin thông báo thực hiện hợp đồng gia công trên đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng hợp/phụ lục hợp đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng gia công này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, tên DN viết tắt.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 19/NXTK-DNCX/GSQL

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mã số thuế:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ kho thuê:.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

BÁO CÁO HÀNG HÓA GỬI KHO THUÊ BÊN NGOÀI DNCX

Kỳ báo cáo: Quý:..... năm:.....

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tồn kho đầu kỳ	Nhập kho trong kỳ		Xuất kho trong kỳ		Tồn kho
				Số lượng	Số chứng từ	Số lượng	Số chứng từ	
1								
2								
3								

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Cột số chứng từ: Doanh nghiệp liệt kê số chứng từ thể hiện hàng hóa đưa từ DNCX đến kho thuê hoặc từ kho thuê đưa về DNCX như phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hoặc các chứng từ khác tương đương.

Mẫu số 20/NTXD-DNCX/GSQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Kính gửi: Chi cục Hải quan.....

Tên nhà thầu:.....

Tên DNCX:.....

Mã số:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Địa chỉ:.....

Số, ngày hợp đồng:.....

Giá trúng thầu:.....

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Trị giá ghi trên tờ khai	Số, ngày tờ khai nhập khẩu
1					
2					
3	...				
Tổng cộng:					

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DNCX
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA NHÀ THẦU
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 21/BKVC/GSQL**BẢN KÊ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA QUÁ CẢNH/TRUNG CHUYỂN***(Bản người khai hải quan lưu)*

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ quá cảnh/trung chuyển:
2. Phương tiện vận tải: - Tên, số hiệu, chuyển
- Ngày nhập cảnh:...../...../.....
- Cảng dỡ hàng.....
3. Giấy phép quá cảnh (nếu có):
4. Số, ngày giấy phép, hiệu lực (nếu có):

I. PHẦN KÊ KHAI HÀNG HÓA XUẤT CẢNG									
STT	Số vận đơn	Tổng số cont	Số hiệu, loại cont, số seal hàng tàu	Tên hàng	Mã HS	Số lượng	Tên, địa chỉ chủ hàng	Tên PTVT	Ngày xuất cảnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
								
								
Ngày..... tháng..... năm..... (Ký tên, đóng dấu)									
II. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP									

Mẫu số 21a/BKVC/GSQL

HẢI QUAN VIỆT NAM
Cục Hải quan:

BẢN KÊ VẬN CHUYỂN



Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi		Số Bản kê:				
Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến		Ngày Bản kê:				
1. Người khai hải quan: Địa chỉ: MST		5. Loại hình vận chuyển:				
2. Người xuất khẩu: Địa chỉ: MST		6. Địa điểm hàng hóa vận chuyển đi:		8. Hợp đồng vận chuyển: Ngày: Ngày hết hạn:		
3. Người nhập khẩu: Địa chỉ: MST		7. Địa điểm hàng hóa vận chuyển đến:				
3. Người ủy thác/người được ủy quyền MST		9. Giấy phép quá cảnh số: Ngày: Ngày hết hạn:		10. Giấy chứng nhận kiểm dịch số: Ngày: Ngày hết hạn:		
4. Đại lý hải quan MST		11. Số PTVC:				
Số TT	12. Mô tả hàng hóa	13. Mã số hàng hóa	14. Lượng hàng	15. Số hiệu container/ gói/kiện	16. Số niêm phong hàng vận chuyển	17. Số niêm phong hải quan
1						
2						
3						
4						
5						
Ghi chú:						
18. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên Bản kê Ngày tháng năm (người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)						
19. Xác nhận của hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi			20. Xác nhận của hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến			

HẢI QUAN VIỆT NAM PHỤ LỤC BẢN KÊ VẬN CHUYỂN
Cục Hải quan:


Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi		Phụ lục số:		Số Bản kê:		
Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến		Ngày, giờ đăng ký		Ngày Bản kê:		
Số TT	12. Mô tả hàng hóa	13. Mã số hàng hóa	14. Lượng hàng	15. Số hiệu container/ gói/kiện	16. Số niêm phong hàng vận chuyển	17. Số niêm phong hải quan
1						
2						
3						
4						
5						
Ghi chú:						
18. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên Bản kê Ngày tháng năm (người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)						

Mẫu số 22/CKHH/GSQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng... năm 20....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN KHẨU HÀNG HÓA

Kính gửi: Chi cục Hải quan cửa khẩu.....

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Công ty..... đề nghị Chi cục Hải quan cửa khẩu.....
giải quyết thủ tục chuyển khẩu lô hàng sau đây:

TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (USD)	Trị giá (USD)
1					
2					
3					

- Hợp đồng mua hàng: Số, ngày..... Tên đối tác:.....

- Hợp đồng bán hàng: Số, ngày..... Tên đối tác:.....

- Số vận đơn:..... Số container/số chì (seal):.....

- Tên tàu:..... ngày nhập cảnh:

- Thời gian dự kiến xuất hàng:..... cửa khẩu xuất:.....

HẢI QUAN
XÁC NHẬN XUẤT KHẨU
(Ký, đóng dấu công chức)

HẢI QUAN
XÁC NHẬN NHẬP KHẨU
(Ký, đóng dấu công chức)

ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP

Mẫu số: 23/NLNK-PTQ/GSQL**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN:**.....

Mã số thuế:.....

BẢNG KÊ SỐ THUẾ NHẬP KHẨU PHẢI NỘP*(Kèm theo tờ khai xuất khẩu số:..... ngày....
đăng ký tại Chi cục Hải quan.....)*

STT	Tên nguyên liệu nhập khẩu	Mã số HS	Thuế suất	Trị giá tính thuế	Số thuế phải nộp
1					
2					
3					
Tổng số thuế nhập khẩu phải nộp:					

Số công văn đề nghị việc lựa chọn cách xác định thuế nhập khẩu phải nộp theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Thông tư số 109/2014/TT-BTC ngày 15/8/2014 của Bộ Tài chính:..... (*)

Nơi nhận:

- Chi cục Hải quan.....;
- Lưu: VT, Tên tổ chức

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (*) Doanh nghiệp có dự án đầu tư được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư sau ngày 15/01/2014 thì không phải khai nội dung này;
- Chi cục Hải quan nơi nhận là Chi cục Hải quan quản lý khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu;
- Công ty là doanh nghiệp mua hàng của tổ chức, cá nhân sản xuất trong khu phi thuế quan.

Mẫu số 24/BC-KNQ/GSQL

TÊN KHO NGOẠI QUAN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA KHO NGOẠI QUAN

Kỳ báo cáo: Quý.../20..

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ	Nhập kho			Xuất kho			Tồn kho	
				Số lượng	Số, ngày tờ khai xuất khẩu hoặc vận đơn hàng nhập	Chi cục hải quan đăng ký tờ khai hoặc hãng tàu	Ngày xuất kho	Số lượng	Cửa khẩu xuất	Số lượng	Số ngày tồn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(4)+(5)-(9)	(12)
1	Mặt hàng 1	m2	100	200	123456, 01/01/2017	03TG	30/6/2017	150	15BB	150	184
2	Mặt hàng 2	Kg	200	300	234567, 01/01/2017	03TG	30/6/2017	100	15BB	400	184
3											

Ghi chú:

1. Cột số (5) bao gồm các trường hợp nhập từ nước ngoài, từ nội địa và từ kho khác chuyển sang.
2. Cột số (9) bao gồm các trường hợp xuất ra nước ngoài, đưa vào nội địa và đưa sang kho khác.
3. Cột số (12) phải tính cả thời gian đã lưu giữ ở kho khác (nếu có).

**DOANH NGHIỆP KINH DOANH
DỊCH VỤ KHO NGOẠI QUAN**
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN KHO CFS

CHI CỤC HẢI QUAN.....

DANH MỤC HÀNG HÓA ĐÓNG GHEP CHUNG CONTAINER XUẤT KHẨU

TT	Tên hàng	Lượng hàng	Số, ngày tờ khai xuất khẩu hoặc vận đơn hàng nhập	Chi cục hải quan đăng ký tờ khai hoặc hãng tàu	Ngày nhập kho	Tên phương tiện XC	Cửa khẩu xuất	Số hiệu cont, kiện/ chì vận tải/ chì hải quan
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH
DỊCH VỤ KHO CFS
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN QUẢN LÝ CFS
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu công chức)

Mẫu số 26/NXT-CFS/GSQL

TÊN KHO CFS

BÁO CÁO HÀNG HÓA NHẬP, XUẤT, TỒN KHO CFS

TT	Tên hàng	Nhập kho			Xuất kho			Tồn kho	
		Số lượng	Số, ngày tờ khai xuất khẩu hoặc vận đơn hàng nhập	Chi cục hải quan đăng ký tờ khai hoặc hãng tàu	Ngày xuất kho	Tên phương tiện XC	Cửa khẩu xuất	Số lượng	Số ngày tồn
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									

DOANH NGHIỆP KINH DOANH
DỊCH VỤ KHO CFS
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 27/THCT-KML/GSQL

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ THEO TỪNG LẦN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Tháng:...../.....

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN:.....

Mã số:

Địa chỉ:.....

Sst	Số, ngày chứng từ giao nhận (1) (2)	Tên hàng hóa (3)	Lượng hàng hóa (4)	Tri giá (5)	Ghi chú (8)
1	xxx	...	xx	xx	
2			xx	xx	
3	
Tổng cộng:			

NGƯỜI LẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 28/STD/GSQL

CỤC HẢI QUAN TỈNH, THÀNH PHỐ.....
CHI CỤC HẢI QUAN.....

Số số:.....

**SỔ THEO DÕI QUẢN LÝ
HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
ĐĂNG KÝ TỜ KHAI HẢI QUAN MỘT LẦN, XNK NHIỀU LẦN**

Hợp đồng số:.....

Hiệu lực từ:...../...../..... đến:...../...../.....

Phụ lục hợp đồng (nếu có): Số.....; Hiệu lực:.....

Giấy phép (nếu có): Số:.....; Thời hạn:.....

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Điện thoại số:.....

Năm.....

TT	Tên hàng	Mã HS	Lượng hàng	ĐVT
1				
	Lần 1: Số phiếu: 01 Ngày:../../.....			
	Lần 2: Số phiếu: 02 Ngày:../../.....			
	Lần... Số phiếu:..... Ngày../../.....			
	Tồn:		0	
			Xác nhận của Hải quan	
2				
	Lần 1: Số phiếu: 01 Ngày:../../.....			
	Lần 2: Số phiếu: 02 Ngày:../../.....			
	Tồn		0	
			Xác nhận của Hải quan	

Mẫu số 29/DSCT/GSQLCỤC HẢI QUAN TỈNH/TP
CHI CỤC HẢI QUAN.....

Mã vạch

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**DANH SÁCH CONTAINER
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN**

1. Chi cục hải quan giám sát:.....
2. Đơn vị XNK:.....
3. Mã số thuế:.....
4. Số tờ khai:.....
5. Trạng thái tờ khai:.....
6. Ngày tờ khai:.....
7. Loại hình:.....
8. Luồng:.....
9. Số quản lý hàng hóa:.....

STT	SỐ HIỆU CONTAINER (1)	SỐ SEAL CONTAINER (nếu có) (2)	SỐ SEAL HẢI QUAN (nếu có) (3)	XÁC NHẬN CỦA BỘ PHẬN GIÁM SÁT HẢI QUAN (4)	MÃ VẠCH (5)
					(in mã vạch)

Ghi chú:- *Cột số (1):*+ *Đối với hàng nhập khẩu: lấy từ Danh sách container do người khai hải quan gửi đến hệ thống.*+ *Đối với hàng xuất khẩu: lấy từ tiêu chí “Số container” trên tờ khai xuất.**Trường hợp có sự thay đổi số container đã khai báo, căn cứ chứng từ do người khai hải quan nộp, xuất trình, công chức hải quan cập nhật số container vào Hệ thống để in lại danh sách container.*- *Cột số (2): Đối với hàng nhập khẩu: lấy từ Danh sách container do người khai hải quan gửi đến hệ thống.*

Mẫu số 30/DSHH/GSQL

CỤC HẢI QUAN TỈNH/TP
CHI CỤC HẢI QUAN.....

Mã vạch

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**DANH SÁCH HÀNG HÓA
 ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN**

1. Chi cục hải quan giám sát:.....
 2. Đơn vị XNK:.....
 3. Mã số thuế:.....
 4. Số tờ khai:.....
 5. Trạng thái tờ khai:.....
 6. Ngày tờ khai:.....
 7. Loại hình:.....
 8. Luồng:.....
 9. Số quản lý hàng hóa:.....

STT	SỐ LƯỢNG HÀNG (1)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG (2)	LƯỢNG HÀNG HÓA THỰC TẾ QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN (3)	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN (4)
	10000 tấn	10000 tấn	Lần 1: 500 tấn	
			Lần 2: 500 tấn	
			...	

Ghi chú:

- *Cột số (1) lấy từ tiêu chí “Số lượng” trên phần “General” của tờ khai hải quan.*
- *Cột số (2) lấy từ tiêu chí “Tổng trọng lượng hàng” trên phần “General” của tờ khai hải quan.*
- *Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVGS nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVGS, công chức hải quan thực hiện:*
 - + *Cột số (3): ghi rõ lượng hàng từng lần qua KVGS.*
 - + *Cột số (4): ghi ngày, tháng, năm; ký, đóng dấu công chức.*
- *Trường hợp giá trị tại cột (1):*
 - + *khác 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (1);*
 - + *bằng 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (2).*

Mẫu số 31/BKCT/GSQL

TÊN DOANH NGHIỆP

BẢNG KÊ SỐ HIỆU CONTAINER XUẤT KHẨU

1. Tờ khai xuất khẩu số:.....

2. Bảng kê số hiệu container xuất khẩu

STT	Số container ban đầu	Số seal ban đầu	Số container sửa đổi	Số seal sửa đổi	Ghi chú
1					
2					
3					
...					

3. Các chứng từ kèm theo:

.....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 32/TĐCX-NK/GSQL**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Thay đổi cảng xếp hàng, cửa khẩu xuất

Kính gửi: Chi cục Hải quan.....

1. Doanh nghiệp đề nghị thay đổi cảng xếp hàng, cửa khẩu xuất:

- Tên doanh nghiệp:..... Mã số thuế:.....
- Trụ sở chính tại:.....
- Số điện thoại:..... Số fax:

2. Đề nghị cơ quan hải quan giải quyết cho doanh nghiệp thay đổi thông tin liên quan đến cảng xếp hàng, cửa khẩu xuất đối với tờ khai xuất khẩu đã được đưa vào khu vực giám sát hải quan như sau:

- a) Số tờ khai hải quan:.....
- b) Số Biên bản bàn giao:.....
- c) Thông tin thay đổi:

STT	Tiêu chí	Nội dung ban đầu	Nội dung thay đổi
1	Địa điểm giám sát hải quan		
2	Cửa khẩu xuất		
3	Cảng xếp hàng		
4	Tên phương tiện vận chuyển		

3. Nội dung cam đoan:

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung khai báo và cam kết trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp văn bản thông báo này sẽ thực hiện khai bổ sung thông tin tờ khai hải quan theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, tên DN viết tắt.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 33/TĐPTVT/GSQL**TÊN CHỦ PHƯƠNG TIỆN
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
thay đổi tên phương tiện vận tải xuất cảnh

Kính gửi: Chi cục Hải quan.....

1. Doanh nghiệp đề nghị thay đổi phương tiện xuất cảnh:

- Tên doanh nghiệp:..... Mã số thuế:.....

- Trụ sở chính tại:.....

- Số điện thoại:..... Số fax:

2. Do có thay đổi trong kế hoạch chạy tàu, chúng tôi đề nghị được thay đổi thông tin phương tiện vận tải xuất cảnh như sau:

STT	Nội dung	PTVT ban đầu	PTVT mới
1	Tên phương tiện vận tải		
2	Số IMO		
3	Số chuyến		
4	Ngày dự kiến xuất cảnh		
5	Cảng xếp hàng		

3. Danh sách tờ khai hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải mới

STT	Số tờ khai	Mã người xuất khẩu	
1	30.....		
2	30.....		
..	...		
	Tổng số		

3. Nội dung cam đoan:

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung khai báo theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, tên DN viết tắt.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 34/TĐCX/GSQL**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
thay đổi cảng xếp hàng, cửa khẩu xuất

Kính gửi: Chi cục Hải quan.....

1. Doanh nghiệp đề nghị thay đổi cảng xếp hàng, cửa khẩu xuất:

- Tên doanh nghiệp:..... Mã số thuế:.....

- Trụ sở chính tại:.....

- Số điện thoại:..... Số fax:

2. Đề nghị cơ quan hải quan giải quyết cho doanh nghiệp thay đổi thông tin liên quan đến cảng xếp hàng, cửa khẩu xuất đối với tờ khai xuất khẩu chưa đưa vào khu vực giám sát hải quan như sau:

a) Số tờ khai hải quan:.....

b) Thông tin thay đổi:

STT	Tiêu chí	Nội dung ban đầu	Nội dung thay đổi
1	Địa điểm giám sát hải quan		
2	Tên phương tiện vận chuyển		

3. Nội dung cam đoan:

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung khai báo và cam kết trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp văn bản thông báo này sẽ thực hiện khai bổ sung thông tin tờ khai hải quan theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, tên DN viết tắt.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 35/BBCN/GSQL

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-tên viết tắt của cơ quan
ban hành

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN CHỨNG NHẬN

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại

Chúng tôi gồm:

1/..... Chức vụ..... Đơn vị

2/..... Chức vụ..... Đơn vị

Chứng nhận rằng⁽²⁾:

Lô hàng khai báo theo tờ khai vận chuyển số/Bản kê hàng hóa vận chuyển số..... ngày..... có các thông tin chi tiết như sau:

- Tên hàng:

- Số lượng:

- Chung loại:

- Ký mã hiệu:

- Xuất xứ:

- Nơi hàng hóa vận chuyển đi:

- Nơi hàng hóa vận chuyển đến:

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Hai bên thống nhất về các nội dung trong biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽³⁾:

.....
.....
..... /.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHI CỤC HẢI QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽²⁾ Ghi nội dung sự việc cần chứng nhận.

⁽³⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu số 36/YCGT/GSQL

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../tên viết tắt của cơ quan ban hành
VB-tên viết tắt đơn vị soạn thảo
V/v yêu cầu giải trình đối với.....

....., ngày..... tháng.... năm.....

Kính gửi: (1).....

Căn cứ quy định tại Khoản..... Điều... Thông tư số...../TT-BTC ngày... tháng.... năm..... của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều..... Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Trên cơ sở thu thập, phân tích thông tin hoạt động gia công/sản xuất xuất khẩu của doanh nghiệp, Chi cục hải quan.... yêu cầu (1) cung cấp thông tin và giải trình các nội dung như sau:

Lý do (2)

Tài liệu đính kèm (nếu có): (3)

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này yêu cầu tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải trình thông qua hệ thống hoặc bằng văn bản, kèm hồ sơ gửi tới Chi cục Hải quan.....

Chi cục Hải quan..... thông báo đề (1) được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, tên viết tắt đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- (1) Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giải trình;
- (2) Nêu lý do, nguyên nhân yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình
- (3) Liệt kê tài liệu đính kèm yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp (nếu có)

Mẫu số 37/GT/GSQL**TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN (1)**
MÃ SỐ DOANH NGHIỆP/MÃ SỐ THUẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố...../.....
V/v giải trình đối với.....

....., ngày..... tháng.... năm.....

Kính gửi: (2) Chi cục Hải quan.....

Căn cứ quy định tại Khoản..... Điều.... Thông tư số.../TT-BTC ngày... tháng.... năm..... của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều..... Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo yêu cầu giải trình của Chi cục Hải quan..... tại văn bản số (3)... ngày...., công ty chúng tôi giải trình các nội dung như sau:

1. Nội dung 1:

- Yêu cầu của Chi cục Hải quan: (4)....
- Giải trình của doanh nghiệp: (5).....
- Tài liệu gửi kèm: (6).....

2. Nội dung 2:

- Yêu cầu của Chi cục Hải quan:....
- Giải trình của doanh nghiệp:.....
- Tài liệu gửi kèm:.....

Công ty chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin và tài liệu giải trình trên đây./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- (1) Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giải trình;
- (2) Đơn vị nhận giải trình;
- (3) Nêu rõ văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình của cơ quan hải quan;
- (4) Nêu rõ nội dung cơ quan hải quan yêu cầu giải trình;
- (5) Nêu rõ lý do, căn cứ để giải trình;
- (6) Liệt kê tài liệu đính kèm (nếu có)

Mẫu số 38/QĐ-KTTHSD/GSQL

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-Tên viết tắt của cơ quan
ban hành VB

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc kiểm tra tình hình sử dụng, tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc,
thiết bị và hàng hóa xuất khẩu tại.....**

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN...

Căn cứ Luật..... ;

Căn cứ Nghị định..... ;

Căn cứ Thông tư..... ;

Xét đề nghị tại..... ngày..... của..... về việc kiểm tra tình hình sử dụng, tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và hàng hóa xuất khẩu tại.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm tra kiểm tra tình hình sử dụng, tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và hàng hóa xuất khẩu đối với⁽¹⁾

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Địa điểm kiểm tra:

Thời hạn kiểm tra:..... ngày làm việc, kể từ ngày

Điều 2. Thành lập đoàn kiểm tra gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông/bà.....chức vụ/ngạch công chức (nếu có)..... trưởng đoàn;

2. Ông/bà..... (như trên)..... phó đoàn (nếu có);

3. Ông/bà..... (như trên)..... thành viên;

.....

Điều 3. Phạm vi, nội dung kiểm tra gồm:

- Phạm vi kiểm tra:.....

- Nội dung kiểm tra:.....

Điều 4. Đoàn kiểm tra có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại.....;
Người khai hải quan⁽¹⁾..... có quyền và nghĩa vụ theo quy định
tại....., có trách nhiệm cử đại diện theo pháp luật hoặc đại diện được
ủy quyền làm việc với cơ quan hải quan và chuẩn bị hồ sơ, chứng từ, tài liệu có
liên quan.

Điều 5. Đoàn kiểm tra, Thủ trưởng đơn vị triển khai thực hiện kiểm tra
và.....⁽¹⁾..... có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT, tên đơn vị soạn thảo;

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên người khai hải quan - Tên chủ hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, tên tổ chức, cá nhân được chủ hàng hóa ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

Mẫu số 39/BBKT-THSD/GSQL

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-Tên viết tắt của cơ quan
lập biên bản

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Hôm nay, hồi..... giờ..... phút..... ngày..... tháng..... năm.....

Chúng tôi gồm:

1/ Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

2/ Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đơn vị.....

Đã làm việc với:

1/ Ông(bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch

Chức danh:..... Công ty.....

Địa chỉ:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

2/

Nội dung kiểm tra:

.....
.....

Biên bản kết thúc vào hồi.....

Biên bản được lập thành..... bản, mỗi bản gồm..... tờ, có nội dung và giá trị như nhau, đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽²⁾:

.....

NGƯỜI THAM GIA LÀM VIỆC⁽³⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THAM GIA KIỂM TRA⁽⁴⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽²⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải nêu ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

⁽³⁾ Thành phần tham gia là danh sách cá nhân đã được cử làm việc với đoàn kiểm tra. Trường hợp đại diện có thẩm quyền ký biên bản phải ký ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu của người khai hải quan.

⁽⁴⁾ Thành phần tham gia là thành viên đoàn kiểm tra tại quyết định kiểm tra. Trường hợp trưởng đoàn kiểm tra ký trên biên bản ghi rõ chức danh trưởng đoàn.

Mẫu số 39a/KLKT-THSD-GSQL

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

BẢN KẾT LUẬN KIỂM TRA**Tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư tại trụ sở người khai hải quan****1. Phần mở đầu:**

Căn cứ pháp lý:

Thực hiện Quyết định số..... ngày..... của..... về việc kiểm tra tình hình sử dụng tại trụ sở.....⁽¹⁾..... mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Từ ngày.../.../... đến ngày.../.../.....

Người ban hành quyết định kiểm tra.....⁽²⁾..... lập bản kết luận kết quả kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư như sau:

2. Phạm vi kiểm tra:⁽³⁾**3. Nội dung kiểm tra:⁽⁴⁾****4. Ý kiến của người khai hải quan được kiểm tra:⁽⁵⁾****5. Kết luận:**

- Kết luận về từng nội dung đã tiến hành kiểm tra;
- Kết luận về từng vi phạm, mức độ vi phạm của người khai hải quan (nếu có);
- Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã được áp dụng;
- Kiến nghị của đoàn kiểm tra về biện pháp xử lý.

Hồ sơ, tài liệu kèm kết luận này gồm:

1)

2)/.

Nơi nhận:

- Người khai hải quan được kiểm tra;
- Lưu; VT, CC... (bản...).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Ghi rõ tên tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra
- ⁽²⁾ Người ban hành quyết định kiểm tra: Cục trưởng Cục KTSTQ, Cục trưởng Cục Hải quan....
- ⁽³⁾ Ghi phạm vi về lĩnh vực kiểm tra; phạm vi về thời gian kiểm tra; phạm vi đối tượng kiểm tra.
- ⁽⁴⁾ Ghi những nội dung đã kiểm tra và kết quả kiểm tra.
- ⁽⁵⁾ Ghi những ý kiến tổ chức, cá nhân đã thống nhất và những ý kiến tổ chức, cá nhân chưa thống nhất với đoàn kiểm tra (nêu rõ lý do, căn cứ pháp luật mà công ty chưa thống nhất).

Mẫu số 40/CT-HĐGC/GSQL**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

V/v thông báo chuyển tiếp nguyên
liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết
bị từ hợp đồng gia công này sang
hợp đồng gia công khác

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Chi cục Hải quan.....

Ngày...., Công ty chúng tôi, mã số thuế:..... có địa chỉ..., điện thoại... fax... đã thực hiện hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công số..... ngày..... năm..... với đối tác nước ngoài nhận gia công là Công ty..... địa chỉ.....

Đến nay, Công ty chúng tôi đã thực hiện xong hợp đồng gia công số.... ngày.... tháng.... năm.... và đã tiến hành thanh lý hợp đồng với đối tác nước ngoài theo Biên bản thanh lý số..... ngày..... tháng..... năm..... (kèm theo).

Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng gia công dẫn trên, chúng tôi thông báo Chi cục Hải quan..... về việc chuyển nguyên vật liệu dư thừa, máy móc thiết bị thuê mượn từ hợp đồng gia công số..... sang hợp đồng gia công số..... như sau:

+ Về nguyên liệu vật tư dư thừa:..... (nêu rõ tên, quy cách, phẩm chất nguyên liệu, vật tư; lượng/đơn vị tính nguyên liệu, vật tư ; ghi chú khác (nếu có));

+ Về máy móc thiết bị thuê mượn:..... (nêu rõ tên, model, ký mã hiệu của máy móc, thiết bị; lượng/đơn vị tính của máy móc, thiết bị; ghi chú khác (nếu có)).

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông báo nêu trên./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 41/TB-HTSC/GSQL

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../.....

....., ngày..... tháng.... năm.....

THÔNG BÁO**Về việc hệ thống khai hải quan điện tử gặp sự cố**

Kính gửi: Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan.....

1. Công ty thông báo gặp sự cố:

- Tên doanh nghiệp:..... Mã số thuế:

- Trụ sở chính tại:.....

- Số điện thoại:..... Số fax:

2. Nguyên nhân sự cố:

3. Thời hạn khắc phục sự cố:.....

4. Phân loại sự cố:

 Đã đăng ký tờ khai thành công Số tờ khai..... Phân luồng Chưa đăng ký tờ khai

5. Phương thức thực hiện thủ tục hải quan trong thời gian hệ thống khai hải quan gặp sự cố:

 Thông qua phòng khai của cơ quan hải quan Thông qua đại lý hải quan Tên đại lý hải quan:.....

Công ty cam kết các thông tin thông báo trên đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện thủ tục hải quan theo đăng ký./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**PHÊ DUYỆT CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN** Chấp nhận Không chấp nhận

Lý do:.....

Xác nhận của Chi cục

(Ký tên, đóng dấu công chức)

BỘ TÀI CHÍNH**Phụ lục III****THAY THẾ PHỤ LỤC VI THÔNG TƯ SỐ 38/2015/TT-BTC NHƯ SAU:**

*(Ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

“Phụ lục VI**BIỂU MẪU VỀ THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU VÀ QUẢN LÝ
THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

STT	Tên Biểu mẫu	Số hiệu
1	Đơn đề nghị xác định trước mã số	01/XĐTMS/TXNK
2	Đơn đề nghị xác định trước trị giá hải quan	02/XĐTTG/TXNK
3	Thông báo về việc nghi vấn trị giá khai báo	02A/TB-NVTG/TXNK
4	Thông báo về trị giá hải quan	02B/TB-XĐTG/TXNK
5	Quyết định điều chỉnh thuế	03/QĐĐC/TXNK
6	Thông báo về bảo lãnh tiền thuế	04/TBBLT/TXNK
7	Công văn đề nghị không thu thuế	05/CVĐNKTT/TXNK
8	Bảng kê khai tính thuế	06/BKKTT/TXNK
9	Quyết định ấn định thuế	07/QĐAĐT/TXNK
10	Quyết định hủy quyết định ấn định	08/HQĐAĐT/TXNK
11	Quyết định về việc hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và thu khác nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	09/QĐHT/TXNK
12	Quyết định về việc hoàn thuế/không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	10/QĐKTT/TXNK
13	Thông báo về việc bổ sung hồ sơ	11/TBBSHS/TXNK
14	Thông báo về việc không thuộc diện được hoàn thuế, không thu thuế	12/TBKTT/TXNK
15	Danh mục hàng hóa XK, NK miễn thuế	13/ĐKDMMT/TXNK
16	Công văn đề nghị đăng ký Danh mục hàng hóa XK, NK miễn thuế	14/CVĐKDMMT/TXNK

17	Phiếu theo dõi trừ lùi	15/PTDTL/TXNK
18	Báo cáo các trường hợp đã đăng ký Danh mục hàng hóa miễn thuế	16/BCTHDMMT/TXNK
19	Báo cáo việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu	17/BCKT-NKMT/TXNK
20	Biên bản làm việc về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu	18/BBLV/TXNK
21	Mẫu thông báo tiền nợ + chậm nộp của cá nhân	19/TB-TTN-TCN1/TXNK
22	Mẫu thông báo tiền nợ + chậm nộp của tổ chức	20/TB-TTN-TCN2/TXNK
23	Thông báo kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế	21/TBKT/TXNK
24	Quyết định về việc kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế	22/QĐKT/TXNK
25	Biên bản công bố Quyết định kiểm tra	23/BBCB/TXNK
26	Biên bản kiểm tra tại trụ sở (tên người nộp thuế)	24/BBKT/TXNK
27	Quyết định về việc gia hạn thời hạn kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế	25/QĐGH/TXNK
28	Kết luận kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế	26/KLKT/TXNK
29	Công văn đề nghị hoàn nộp thừa	27/CVĐNHNT/TXNK
30	Thông báo về việc bù trừ tiền được hoàn	28/TBBT/TXNK
31	Thông báo về tiền chậm nộp còn thiếu	29/TBTCNCT/TXNK
32	Công văn đề nghị nộp dần tiền thuế nợ	30/CVNDTT/TXNK
33	Thông báo về việc nộp dần tiền thuế nợ	31/TBNDTT/TXNK
34	Công văn đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	32/CVGHNT/TXNK
35	Công văn đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	33/CVXN/TXNK
36	Công văn đề nghị xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế	34/CVXNHT/TXNK

Mẫu số 01/XĐTMS/TXNK

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Về việc xác định trước mã số

Kính gửi:.....

A. Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số

1. Tên:	
2. Địa chỉ:	
3. Điện thoại:	4. Fax:
5. Mã số thuế:	

B. Hàng hóa đề nghị xác định trước mã số

6. Tên thương mại:	
7. Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:	
8. Ký, mã hiệu, chủng loại:	9. Nhà sản xuất:

C. Mô tả chi tiết hàng hóa đề nghị xác định trước mã số

10. Thành phần, cấu tạo, công thức hóa học:
11. Cơ chế hoạt động, cách thức sử dụng:
12. Hàm lượng tính trên trọng lượng:
13. Thông số kỹ thuật:
14. Quy trình sản xuất:
15. Công dụng theo thiết kế:
16. Các thông tin khác về hàng hóa: <i>a) Trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại tiết b điểm 4 Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 38/2018/TT-BTC</i> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> <i>Trường hợp đánh dấu vào ô “có”, đề nghị nêu cụ thể mã số, số văn bản hướng dẫn, số văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan điều tra về việc đang thụ lý hồ sơ liên quan đến hàng hóa.</i>

b) Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (nêu cụ thể thời điểm dự kiến xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa trên hợp đồng mua bán với nước ngoài theo quy định hiện hành của hàng hóa đề nghị xác định trước mã số do tổ chức, cá nhân có đơn đề nghị xác định trước mã số trực tiếp thực hiện giao dịch)

D. Các tài liệu có liên quan đến hàng hóa đề nghị xác định trước mã số

17. Mẫu hàng hóa:	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
18. a) Catalogue <input type="checkbox"/>	b) Hình ảnh <input type="checkbox"/>
19. Tài liệu kỹ thuật	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
20. Chứng thư giám định đối với mẫu hàng đề nghị xác định trước mã số cần phải sử dụng máy móc, thiết bị kỹ thuật để xác định thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng.	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
21. Tài liệu có liên quan, ghi rõ loại tài liệu (nếu có)	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

D. Ý kiến của tổ chức, cá nhân về mã số đối với hàng hóa đề nghị xác định trước

22. Mã số đề nghị (theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam):
23. Cơ sở đề nghị:

..... (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số) cam đoan:

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu, mẫu hàng hóa cung cấp cho cơ quan Hải quan để thực hiện xác định trước mã số./.

E. Nội dung khác (nếu có):

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02/XĐTTG/TXNK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ HẢI QUAN

Kính gửi: Tổng cục Hải quan.

Tên tổ chức (cá nhân) đề nghị:.....
Địa chỉ:..... Số điện thoại:
Mã số thuế:.....

1. Điều kiện xác định trước trị giá đối với tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp đề nghị xác định trước mức giá):

ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ	
Hàng hóa đề nghị xác định trước trị giá:	
(1) Có phải là lần đầu xuất khẩu, nhập khẩu không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
(2) Có sự thay đổi lớn, bất thường so với trị giá hải quan mà tổ chức, cá nhân đang thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
(3) Có phải là hàng hóa có tính chất đơn chiếc không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
(4) Có tính phổ biến không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
(5) Có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giống hệt, tương tự trên thị trường để so sánh không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

2. Nội dung khai báo chi tiết:

Tên hàng hóa, đơn vị tính ¹		Mã số HS
Nội dung giao dịch ²		
Cục Hải quan (nơi dự kiến làm thủ tục hải quan):	Thời gian dự kiến đăng ký tờ khai xuất khẩu/nhập khẩu: Ngày... tháng... năm....	

¹ - Khai rõ tên hàng, quy cách phẩm chất, thông số kỹ thuật, thành phần cấu tạo, model, ký/mã hiệu, đặc tính, công suất, kích cỡ, công dụng của hàng hóa,....

- Đơn vị tính: phải được định lượng rõ ràng theo đơn vị đo lường cơ bản (như m, kg, cái, chiếc,.....), hoặc phải được quy đổi về đơn vị đo lường cơ bản.

² Tổ chức, cá nhân khai chi tiết tại mục 1 Bản mô tả giao dịch và xác định trị giá tính thuế kèm theo

Đề nghị xác định trước trị giá³:

Phương pháp xác định trị giá tính thuế:.....

Mức giá:.....

Quan điểm của tổ chức, cá nhân về đề nghị xác định trước trị giá:.....

Tổ chức cá nhân đề nghị xác định trước về phương pháp xác định trị giá hoặc mức giá thì đánh dấu vào một trong 2 ô tương ứng, ghi rõ nội dung phương pháp xác định trị giá hoặc mức giá đề nghị và quan điểm về đề nghị xác định trước tương ứng.

Tổ chức cá nhân đề nghị xác định trước đồng ý công bố thông tin về xác định trước trị giá:

Công bố toàn phần

Công bố một phần (*tổ chức, cá nhân liệt kê một số tiêu chí đề nghị không công bố*)

Tôi đề nghị cơ quan hải quan xác định trước trị giá hải quan cho hàng hóa nêu trên.
Tôi xin cam đoan:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung khai báo tại đơn này và của các tài liệu, chứng từ, thông tin do tôi cung cấp.

2. Đồng ý cung cấp những tài liệu, chứng từ cần thiết để cơ quan hải quan kiểm tra khi có yêu cầu.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(*Ký tên, đóng dấu*)

³ Tổ chức, cá nhân khai chi tiết tại mục 2, 3 Bản mô tả giao dịch và xác định trị giá tính thuế kèm theo

BẢN MÔ TẢ GIAO DỊCH VÀ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ

(Kèm theo Đơn đề nghị xác định trước trị giá)

1. Nội dung của giao dịch và các bên có liên quan trong giao dịch:

a) Các bên có liên quan trong giao dịch:

Số hợp đồng:

Ngày tháng năm

Tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu:

Tên đối tác nhập khẩu/xuất khẩu:

b) Nội dung của giao dịch mua bán hàng hóa:

Mô tả cụ thể về giao dịch hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu như:

Tên hàng hóa; số lượng; đơn vị tính; đơn giá; đồng tiền thanh toán; nước nhập khẩu/xuất khẩu; thời gian dự kiến giao hàng; điều kiện giao hàng; phương tiện vận tải; phương thức thanh toán; địa điểm xếp hàng; địa điểm giao hàng; quyền và nghĩa vụ của người mua và người bán trong giao dịch; các nội dung liên quan đến trọng tài kinh tế và các nội dung khác,....

2. Phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu:

ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ GIAO DỊCH	
1. Người mua có đầy đủ quyền quyết định, quyền sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
2. Việc bán hàng hay giá cả có phụ thuộc vào điều kiện nào dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hóa nhập khẩu hay không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
3. Người mua có phải trả thêm khoản tiền nào từ số tiền thu được do việc định đoạt, sử dụng hàng hóa nhập khẩu không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
4. Người mua và người bán có mối quan hệ đặc biệt không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Nếu có, mối quan hệ đặc biệt đó có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
PHẦN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ	
Giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán:	_____
a) Giá mua ghi trên hóa đơn	a).....
b) Khoản thanh toán gián tiếp	b).....
c) Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc	c).....
Các khoản phải cộng	_____
a) Chi phí hoa hồng bán hàng/phí môi giới	a).....

b) Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa	b).....
c) Chi phí đóng gói hàng hóa	c).....
d) Các khoản trợ giúp người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá	d).....
<input type="checkbox"/> Nguyên vật liệu, bộ phận cấu thành, phụ tùng,...
<input type="checkbox"/> Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng tiêu hao
<input type="checkbox"/> Công cụ, dụng cụ, khuôn dập, khuôn đúc,.....
<input type="checkbox"/> Bản vẽ thiết kế, sơ đồ, phác thảo
e) Tiền phí bản quyền, phí giấy phép	e).....
f) Tiền thu phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hóa	f).....
g) Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng	g).....
h) Chi phí bảo hiểm hàng hóa	h).....
Các khoản được trừ	_____
a) Phí bảo hiểm, vận tải hàng hóa trong nội địa	a).....
b) Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu	b).....
c) Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng	c).....
d) Các khoản thuế, phí, lệ phí phải trả	d).....
e) Khoản giảm giá	e).....
f) Chi phí liên quan đến tiếp thị hàng nhập khẩu	f).....
Trị giá tính thuế: <i>Nêu rõ công thức tính toán (nếu có)</i>	

Ghi chú: Ghi rõ khoản tiền của từng mục (nếu có) trong Phần xác định trị giá tính thuế

3. Phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng xuất khẩu:

- a) Phương pháp xác định trị giá tính thuế:.....
- b) Lý do áp dụng:.....
- c) Xác định trị giá tính thuế, nêu rõ các bước và giải trình chi tiết:.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02A/TB-NVTG/TXNK

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-tên viết tắt của cơ quan
ban hành VB

....., ngày.... tháng.... năm....

THÔNG BÁO
Về việc nghi vấn trị giá khai báo

Kính gửi: Công ty..... Mã số thuế.....
Địa chỉ:.....

Căn cứ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Chi cục Hải quan..... đã kiểm tra trị giá khai báo của hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu theo tờ khai hải quan.... số..... ngày.... Cơ sở nghi vấn và trị giá hải quan do cơ quan hải quan dự kiến xác định như sau:

STT	Mã số	Tên hàng	ĐVT	Trị giá khai báo (USD)	Cơ sở nghi vấn trị giá khai báo	Trị giá hải quan do cơ quan hải quan dự kiến xác định (USD)	Phương pháp xác định trị giá hải quan
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Chi Cục.... thông báo để quý Công ty biết và thực hiện quyền tham vấn theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan... (để b/c, tổ chức tham vấn);
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (3b).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ý KIẾN CỦA NGƯỜI KHAI HẢI QUAN
(Đại diện có thẩm quyền ghi rõ ý kiến, ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cột 6: Cơ quan hải quan phải ghi rõ cơ sở nghi vấn trị giá khai báo theo đúng quy định tại Thông tư này.
- Ý kiến của người khai hải quan: ghi rõ “Đề nghị sử dụng kết quả tham vấn của lần tham vấn trước” trong trường hợp tham vấn 1 lần, sử dụng kết quả tham vấn nhiều lần theo hướng dẫn tại khoản 14 Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Mẫu số 02B/TB-TGHQ/TXNK

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-tên viết tắt cơ quan
ban hành văn bản

....., ngày.... tháng.... năm....

THÔNG BÁO
Về trị giá hải quan

Kính gửi:

- Chi cục Hải quan..¹
- Công ty..... (ghi tên người nhập khẩu, mã số thuế, địa chỉ).

Căn cứ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu,

Trên cơ sở Thông báo về việc nghi vấn trị giá khai báo²;

Trên cơ sở kết quả tham vấn tại Biên bản số.....³;

Cục (hoặc Chi cục)..... thông báo⁴:

1. Người khai hải quan đồng ý với mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan xác định đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu theo tờ khai hải quan xuất khẩu/nhập khẩu số..... ngày....., cụ thể:

(Áp dụng cho trường hợp quy định tại điểm đ.1 khoản 4 Điều 25 Thông tư này).

STT	Mã số	Tên hàng	ĐVT	Trị giá khai báo (USD)	Trị giá do cơ quan hải quan xác định (USD)	Phương pháp xác định trị giá hải quan

Ghi chú:

- (1): Ghi đối với trường hợp Cục thực hiện kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá hải quan.
- (2): Ghi đối với trường hợp có nghi vấn trị giá khai báo
- (3): Ghi đối với trường hợp Cục/Chi cục thực hiện tham vấn trị giá.
- (4): Ghi từng trường hợp tương ứng quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC

2. Xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại tờ khai hải quan xuất khẩu/nhập khẩu số..... ngày..... cụ thể:

STT	Mã số	Tên hàng	ĐVT	Trị giá khai báo (USD)	Cơ sở bác bỏ trị giá khai báo	Trị giá hải quan do cơ quan hải quan xác định (USD)	Phương pháp xác định trị giá hải quan

(Áp dụng cho trường hợp quy định tại điểm a khoản 3, hoặc điểm b.1.1 khoản 3, hoặc điểm đ.2 khoản 4 Điều 25 Thông tư này).

3. Thông quan theo trị giá khai báo đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu theo tờ khai hải quan xuất khẩu/nhập khẩu số..... ngày....., cụ thể:

(Áp dụng cho trường hợp quy định tại điểm b.1.2 khoản 3 hoặc điểm đ.3 khoản 4 Điều 25 Thông tư này).

STT	Mã số	Tên hàng	ĐVT	Trị giá khai báo (USD)

Cục Hải quan..... thông báo để Chi cục..... và Công ty..... biết và thực hiện (ghi trong trường hợp Cục Hải quan xác định trị giá hải quan)

Hoặc Chi cục Hải quan..... thông báo để quý doanh nghiệp biết và thực hiện (ghi trong trường hợp Chi cục hải quan xác định trị giá hải quan)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan... (để báo cáo trường hợp Chi cục xác định giá);
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi đối với trường hợp Cục thực hiện kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá hải quan.
- (2): Ghi đối với trường hợp có nghi vấn trị giá khai báo
- (3): Ghi đối với trường hợp Cục/Chi cục thực hiện tham vấn trị giá.
- (4): Ghi từng trường hợp tương ứng quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC

Mẫu số 03/QĐĐCT/TXNK**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:...../QĐ-tên viết tắt của cơ
quan ban hành VB

....., ngày..... tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh thuế***(Áp dụng cho trường hợp chuyển tiêu thụ nội địa, thay đổi mục đích sử dụng)***THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN CÓ THẨM QUYỀN.....**

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Thông tư hướng dẫn Luật;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010; và Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành các Luật này;

Căn cứ thủ tục thẩm quyền giải quyết (1)..... quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Xét hồ sơ đề nghị của (2)..... và đề xuất (3)..... về việc chuyển (1)..... hàng hóa nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm tiền thuế của tờ khai số: (4)...., của người nộp thuế (2)..... mã số thuế:....., địa chỉ..... tương ứng với số hàng hóa (1)..... đã được kê khai trên tờ khai số: (5).... ngày... tháng... năm..., mở tại: (6)...., loại hình (7).....; cụ thể số thuế điều chỉnh giảm như sau:

STT	Nội dung	Số tiền thuế <i>Đơn vị tính: đồng</i>
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế GTGT	
4	
	Tổng cộng:	

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông (bà) Trưởng phòng/Đội trưởng (3)..... và (2)..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Chuyển tiêu thụ nội địa/thay đổi mục đích sử dụng;
- (2) Tổ chức, cá nhân nộp thuế đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu;
- (3) Đơn vị tham mưu, nghiệp vụ liên quan thuộc cấp có thẩm quyền ra quyết định;
- (4) Tờ khai hải quan cũ;
- (5) Tờ khai hải quan mới;
- (6) Chi cục Hải quan nơi mở tờ khai mới;
- (7) Loại hình XNK theo tờ khai mới.

Mẫu số 04/TBBLT/TXNK

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-tên viết tắt của cơ quan
ban hành VB

....., ngày.... tháng.... năm....

THÔNG BÁO
Về bảo lãnh tiền thuế

Căn cứ Điều 43 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi bổ sung tại Điều... Thông tư số..... ngày.../.../... của Bộ Tài chính;

Chi cục Hải quan..... (tên cơ quan hải quan ra thông báo) thông báo:

Thư bảo lãnh số..... ngày.../.../... của..... (tên, mã số thuế, mã số CITAB tổ chức tín dụng).

Đơn vị được bảo lãnh là:..... (tên người nộp thuế hoặc tổ chức cá nhân đại diện cho người nộp thuế), mã số thuế.....

1. Phần thông báo về không chấp nhận Thư bảo lãnh

Không đáp ứng đủ các tiêu chí và yêu cầu theo quy định (nêu rõ tiêu chí và yêu cầu chưa đáp ứng theo quy định).

Chi cục Hải quan..... từ chối Thư bảo lãnh trên và thông báo để..... (tên người nộp thuế hoặc tổ chức cá nhân đại diện cho người nộp thuế) được biết.

2. Phần thông báo về không chấp nhận bảo lãnh của tổ chức tín dụng trên toàn quốc

Đến ngày..... tháng.... năm.... đã quá thời hạn bảo lãnh của tờ khai số..... nhưng..... (tên tổ chức tín dụng) không thực hiện đúng cam kết theo quy định.

Chi cục Hải quan..... thông báo để Cục Hải quan các tỉnh, thành phố biết và không chấp nhận..... (tên tổ chức tín dụng) được thực hiện bảo lãnh thuế trên toàn quốc./.

Nơi nhận:

- Người nộp thuế hoặc tổ chức cá nhân đại diện cho người nộp thuế;
- Tổ chức tín dụng phát hành thư bảo lãnh;
- Cục HQ các tỉnh, TP (gửi đối với trường hợp không chấp nhận bảo lãnh trên toàn quốc);
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05/CVĐNKTT/TXNK

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
V/v đề nghị không thu thuế ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... (tên cơ quan có thẩm quyền).....

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị không thu thuế

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

CMND/Hộ chiếu số.....: Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Quận/huyện:..... Tỉnh/thành phố:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

Tên đại lý hải quan (nộp thuế theo ủy quyền):

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Địa chỉ:

Quận/huyện:..... Tỉnh/thành phố:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

Hợp đồng đại lý hải quan số:..... ngày

2. Thông tin về hàng hóa đề nghị không thu thuế

3.1. Số tờ khai:..... Ngày..... tháng..... năm..... Nơi đăng ký tờ khai:

Tên hàng:.....

Số lượng:.....

Trị giá:.....

3.1. Thực hiện thanh toán qua Ngân hàng:

Có, số chứng từ thanh toán.....

Không.

3.3. Hàng hóa chưa qua quá trình sản xuất, gia công, sửa chữa hoặc sử dụng

Có

Không

3. Thông tin về số tiền thuế đề nghị không thu

Đơn vị: đồng

STT	LOẠI THUẾ	Số tiền đề nghị không thu
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp	

4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	Thuế bảo vệ môi trường	
6	Thuế GTGT	
	Tổng cộng	

(Bằng chữ)

4. Lý do đề nghị không thu thuế:.....

5. Hồ sơ, tài liệu kèm theo:

-: 01 bản chụp/01 bản chính;

-: 01 bản chụp/01 bản chính;

-: 01 bản chụp/01 bản chính.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ HẢI QUAN

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

*Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)*

Mẫu số 06/BKKTT/TXNK

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢNG KÊ KHAI TÍNH THUẾ****Đối với phế liệu, phế phẩm trong định mức thực tế để sản xuất hàng xuất khẩu**

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

STT	Tên phế liệu, phế phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế Nhập khẩu			Thuế TTĐB			Thuế Bảo vệ Môi trường		Thuế GTGT			Tổng số tiền thuế	Ghi chú
					Trị giá tính thuế	Thuế suất	Số tiền thuế	Trị giá tính thuế	Thuế suất	Số tiền thuế	Mức thuế	Số tiền thuế	Trị giá tính thuế	Thuế suất	Số tiền thuế		
1																	
2																	
...																	
	Tổng Cộng:																

....., ngày..... tháng... năm...
NGƯỜI NỘP THUẾ (HOẶC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 07/QĐAĐT/TXNK**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:...../QĐ-tên viết tắt của
cơ quan ban hành VB

....., ngày..... tháng..... năm.....

Mã số quản lý hải quan

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 39 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ khoản 3 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;

Căn cứ Khoản... Điều 48 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ...;

Xét đề nghị của...,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ấn định thuế đối với (tên hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu thuộc tờ khai xuất khẩu/nhập khẩu số... ngày...) của (Tên người nộp thuế... Mã số thuế... Địa chỉ:...)**Điều 2.** Lý do ấn định thuế: (Ghi rõ lý do ấn định thuế và các Điều/khoản của văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng).**Điều 3.** Số tiền thuế ấn định:⁽¹⁾

Stt	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền thuế phải nộp			Số tiền thuế đã nộp	Số tiền thuế còn phải nộp
			Số tiền thuế đã kê khai	Số tiền thuế ấn định	Chênh lệch sau ấn định		
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						

3	Thuế tự vệ/thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp						
4	Thuế bảo vệ môi trường						
5	Thuế giá trị gia tăng						
6	<i>Tổng cộng</i>						

(Bằng chữ:...)

Điều 4. (Người nộp thuế...) có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế phải nộp nêu tại Điều 3 Quyết định này, tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế vào tài khoản.... tại Kho bạc Nhà nước....

Thời hạn nộp thuế được tính từ ngày... (căn cứ hồ sơ cụ thể để áp dụng thời hạn nộp thuế theo hướng dẫn tại Điều 48 Thông tư số.../2018/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số Điều của Thông tư số 38/2015/TT-BTC)/.

Nơi nhận:

- Tên người nộp thuế;
- ...
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp ấn định thuế thuộc nhiều tờ khai phải ghi chi tiết số tiền thuế theo từng tờ khai vào phụ lục riêng đính kèm quyết định ấn định thuế.

Mẫu số 08/HQĐAĐT/TXNK

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../QĐ-tên viết tắt của cơ quan
ban hành VB

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hủy quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 40 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ khoản... Điều 52/khoản... Điều 53 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Điểm g Khoản 6 Điều 48 Thông tư số../2018/TT-BTC ngày... của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ...;

Xét đề nghị của...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy quyết định ấn định thuế số... ngày.... của (tên cơ quan hải quan) thuộc tờ khai hải quan xuất khẩu/nhập khẩu số..... ngày..... số tiền.....⁽¹⁾ của (Tên người nộp thuế/Mã số thuế/Địa chỉ).

Điều 2. Lý do hủy quyết định ấn định thuế: (Ghi rõ lý do).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các ông/bà... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tên người nộp thuế;

- ...

- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp Quyết định ấn định thuế thuộc nhiều tờ khai, tại Điều 1 phải ghi tổng số tiền hủy theo Quyết định, chi tiết số tiền thuế theo từng tờ khai vào phụ lục đính kèm Quyết định hủy Quyết định ấn định thuế.

Mẫu số 09/QĐHT/TXNK

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-tên viết tắt của cơ quan
ban hành VB

..... ngày.... tháng.... năm....

Mã số quản lý hải quan

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và thu khác nộp thừa
đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012, Luật 106/2016/QH13 sửa đổi, một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế ngày 06/4/2016; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, Thông tư hướng dẫn Luật;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Luật thuế giá trị gia tăng số.....; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.....; Luật thuế bảo vệ môi trường..... và Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành các Luật này;

Căn cứ thủ tục thẩm quyền ra Quyết định hoàn tiền thuế (không thu thuế), tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa quy định tại Điều... Thông tư số..... ngày..... của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu,

Xét hồ sơ đề nghị xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa của người nộp thuế..... Mã số thuế:..... Địa chỉ:..... và đề xuất tại tờ trình số.... ngày.... tháng.... năm.... của.....;

Theo đề xuất tại tờ trình số.... ngày.... tháng.... năm.... của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và thu khác đã nộp theo tờ khai/quyết định số... ngày... tháng... năm... cho người nộp thuế... Mã số thuế.....

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền được hoàn
1	- Thuế xuất khẩu	
2	- Thuế nhập khẩu	
3	- Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp	
4	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	- Thuế bảo vệ môi trường	
6	- Thuế GTGT	
7	- Tiền chậm nộp thuế	
8	- Tiền phạt vi phạm hành chính	
9	- Khác	
10	Tổng cộng	

(Bằng chữ:...)

Điều 2. Phân bù trừ với các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (NSNN) theo tờ khai/quyết định số... ngày... tháng... năm... cho người nộp thuế... Mã số thuế..... tại Kho bạc Nhà nước....

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền bù trừ
1	- Thuế xuất khẩu	
2	- Thuế nhập khẩu	
3	- Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp	
4	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	- Thuế bảo vệ môi trường	
6	- Thuế GTGT	
7	- Tiền chậm nộp thuế	
8	- Tiền phạt vi phạm hành chính	
9	- Khác	
10	Tổng cộng	

(Bằng chữ:...)

Điều 3. Phần còn lại được hoàn trả sau khi bù trừ với các khoản còn phải nộp Ngân sách Nhà nước:..... đồng.

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền được hoàn
1	- Thuế xuất khẩu	
2	- Thuế nhập khẩu	
3	- Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp	
4	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	- Thuế bảo vệ môi trường	
6	- Thuế GTGT	
7	- Tiền chậm nộp thuế	
8	- Tiền phạt vi phạm hành chính	
9	- Khác	
10	Tổng cộng	

(Bằng chữ:...)

Hình thức hoàn trả:

Chuyển khoản

Số tài khoản..... Tại ngân hàng (KBNN).....

Tiền mặt

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc nhà nước.....

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Người nộp thuế..... Mã số thuế..... và trưởng các bộ phận nghiệp vụ liên quan thuộc cơ quan ra Quyết định..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật thuế./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- (*);

- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Điều 2 dùng để bù trừ khoản được hoàn với khoản phải nộp.

- Điều 3 dùng đối với trường hợp hoàn kiêm bù trừ nhưng vẫn còn số tiền được hoàn người nộp thuế đề nghị hoàn trả.

- (*): Các đơn vị có liên quan (Cơ quan Thuế nội địa, Kho bạc Nhà nước...).

Mẫu số 10/QĐKTT/TXNK**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:...../QĐ-tên viết tắt của cơ quan
ban hành VB

..... ngày.... tháng..... năm....

Mã số quản lý hải quan

QUYẾT ĐỊNH**Về việc hoàn thuế/không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu⁽¹⁾****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều.... Luật quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Điều... Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Điều.... Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Điều... Luật thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Điều.... Nghị định.....;

Căn cứ Điều 29 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Điều 33 (hoặc Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37) Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ;

Căn cứ....;

Căn cứ thủ tục thẩm quyền ra Quyết định hoàn tiền thuế (không thu thuế), quy định tại... Thông tư số..... ngày..... của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Xét hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế của người nộp thuế.... Mã số thuế:.... Địa chỉ:.... và tờ trình số.... ngày.... tháng.... năm.... của.....,⁽²⁾

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả số tiền thuế/không thu thuế theo tờ khai số... ngày... cho người nộp thuế... Mã số thuế..., địa chỉ... với số tiền cụ thể như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	LOẠI THUẾ	SỐ TIỀN
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	Thuế bảo vệ môi trường	
6	Thuế GTGT	
	Tổng cộng	

(Bằng chữ:...)

Điều 2. Phần bù trừ với các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (NSNN) theo tờ khai/quyết định số... ngày... tháng... năm... cho người nộp thuế... Mã số thuế..... tại Kho bạc Nhà nước...⁽³⁾

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền bù trừ
1	- Thuế xuất khẩu	
2	- Thuế nhập khẩu	
3	- Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp	
4	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	- Thuế bảo vệ môi trường	
6	- Thuế GTGT	
7	- Tiền chậm nộp thuế	
8	- Tiền phạt vi phạm hành chính	
9	- Khác	
10	Tổng cộng	

(Bằng chữ:...)

Điều 3. Phần còn lại được hoàn trả sau khi bù trừ với các khoản còn phải nộp Ngân sách Nhà nước:..... đồng⁽⁴⁾

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền được hoàn
1	- Thuế xuất khẩu	
2	- Thuế nhập khẩu	

3	- Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp	
4	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	- Thuế bảo vệ môi trường	
6	- Thuế GTGT	
7	- Tiền chậm nộp thuế	
8	- Tiền phạt vi phạm hành chính	
9	- Khác	
10	Tổng cộng	

(Bằng chữ:...)

Hình thức hoàn trả:

Chuyển khoản

Số tài khoản..... Tại ngân hàng (KBNN).....

Tiền mặt

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc nhà nước.....

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Người nộp thuế... Mã số thuế..... và các bộ phận nghiệp vụ... (thuộc cơ quan ra quyết định)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Cơ quan thuế; KBNN...

- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Trường hợp hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và thu khác nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo Mẫu số 11/QĐHT/TXNK.

(2) Phân căn cứ pháp lý hoàn thuế/không thu thuế ghi rõ điều, khoản của văn bản quy phạm pháp luật.

(3) Điều 2 dùng để bù trừ khoản tiền được hoàn với khoản tiền phải nộp.

(4) Điều 3 áp dụng đối với trường hợp hoàn kiêm bù trừ nhưng chưa hết, người nộp thuế đề nghị hoàn trả.

Mẫu số 11/TBBSHS/TXNK

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../TB-tên viết tắt của cơ quan
ban hành VB

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO
Về việc bổ sung hồ sơ...⁽¹⁾

Cục Hải quan/Chi cục Hải quan..... nhận được công văn đề nghị.... số..... ngày... tháng... năm... của... (*Tên người nộp thuế, mã số thuế*) về việc... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số.... ngày... của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu,

Cục Hải quan.../Chi cục Hải quan... đề nghị (*Tên người nộp thuế*) bổ sung hồ sơ tài liệu bao gồm:

(Ghi chi tiết tài liệu cần bổ sung; các nội dung cần giải trình)

Thời hạn bổ sung hồ sơ (hoặc giải trình) là..... ngày kể từ ngày cơ quan Hải quan phát hành thông báo này.

Nếu người nộp thuế có vướng mắc, xin liên hệ với Cục Hải quan/Chi cục Hải quan... để được giải đáp. Số điện thoại liên hệ...

Cục Hải quan/Chi cục Hải quan..... xin thông báo đề (*Tên người nộp thuế*) được biết./.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ người nộp thuế;
- Bộ phận có liên quan;
- Lưu VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, thông báo Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế

Mẫu số 12/TBKTT/TXNK

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../TB-tên viết tắt của cơ quan
ban hành văn bản

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO**Về việc không thuộc diện được hoàn thuế/không thu thuế/...⁽¹⁾**

Cục Hải quan.../Chi cục Hải quan... nhận được công văn đề nghị số... ngày... tháng.... năm.... của..... (*Tên người nộp thuế, mã số thuế*) về việc.... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ Điều..... Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Điều.... Luật Thuế TTĐB số....., Điều.... Luật Thuế BVMT số..., Điều.... Luật thuế GTGT số...

Căn cứ Điều... Nghị định số.... ngày....

Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số.... ngày... của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu,

Cục Hải quan.../Chi cục Hải quan... thông báo:

- Hồ sơ đề nghị hoàn thuế hoàn thuế/không thu thuế..... của *Tên người nộp thuế*) không thuộc trường hợp/đối tượng được hoàn thuế/không thu thuế...

- Lý do:...

Nếu người nộp thuế có vướng mắc, xin liên hệ với Cục Hải quan.../Chi cục Hải quan... để được giải đáp. Số điện thoại liên hệ:...

Cục Hải quan/Chi cục Hải quan..... xin thông báo để... (*Tên người nộp thuế*) được biết./.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ người nộp thuế);
- Bộ phận có liên quan;
- Lưu VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, thông báo Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế.

(Xem tiếp Công báo số 731 + 732)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng